

Bản án số: 472/2022/DS-PT
Ngày: 16-01-2023
Về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các thẩm phán: Ông Phạm Minh Tùng

Ông Nguyễn Chí Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Tỉnh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 228/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 342/2022/QĐ-PT ngày 07/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 448/2022/QĐPT-DS ngày 23/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 141 đường TP, K5, P1, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: Luật sư Nguyễn Văn T- Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn T thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Huỳnh Hồ Vĩnh T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 83/1 đường LD, K2, P2, TP. Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Ông T, anh T, luật sư T có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn - ông Nguyễn Phước T trình bày:

Ông Nguyễn Phước T là người thừa kế của bà Lê Thị T, sinh năm 1964, chết ngày 22/9/2021.

Ngày 07/02/2021, bà T có ký Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở gắn liền với đất với anh Huỳnh Hồ Vĩnh T. Theo đó, anh T đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở gắn liền với đất thuộc thửa đất số 377, tờ bản đồ số 17, diện tích 72m², đất ở đô thị, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 2, thành phố Sa Đéc cho bà T với giá chuyển nhượng là 1.650.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận, phương thức thanh toán đưa tiền đặt cọc 100.000.000 đồng cùng ngày 07/02/2021; hẹn đến ngày 15/3/2021, hai bên sẽ đến Ngân hàng trả nợ (do tại thời điểm đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh T đang thế chấp tại Ngân hàng để vay tiền) và sẽ ra Phòng Công chứng để ký Hợp đồng chuyển nhượng. Ngoài ra, hai bên còn thỏa thuận: Nếu bên A (anh T) vi phạm Hợp đồng thì phải bồi thường (thanh toán lại) gấp 02 lần số tiền mà bên B (bà T) đã thanh toán cho bên A tiền đặt cọc. Ngược lại, nếu bên B vi phạm hợp đồng thì mất tiền đặt cọc.

Ngày 15/3/2021, anh T nhận thêm của bà T số tiền 20.000.000 đồng và anh T có ký tên vào Hợp đồng thỏa thuận ngày 07/02/2021 để xác nhận.

Đến ngày 25/3/2021, anh T nhận thêm của bà T số tiền 20.000.000 đồng và có viết biên nhận thể hiện nội dung: Anh T đã nhận của bà T tổng cộng 140.000.000 đồng.

Ngoài ra, ngày 22/4/2021, anh T còn viết biên nhận hứa đến hết ngày 30/4/2021 sẽ thanh toán cho bà T số tiền 250.000.000 đồng. Bởi vì, anh T vi phạm Hợp đồng nên phải bồi thường (thanh toán lại) gấp 02 lần số tiền cọc đã nhận là $140.000.000đ \times 2 = 280.000.000$ đồng nhưng bà T bớt cho anh T 30.000.000đ nên anh T chỉ viết biên nhận thanh toán cho bà T tổng số tiền 250.000.000 đồng.

Nay, ông T yêu cầu anh T trả số tiền tổng cộng là 250.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T không còn yêu cầu gì khác.

Nếu anh T đồng ý tiếp tục thực hiện thỏa thuận thì ông T cũng đồng ý ra Phòng công chứng ký Hợp đồng chuyển nhượng và cản trừ số tiền 140.000.000 đồng vào giá chuyển nhượng 1.650.000.000 đồng mà hai bên đã thỏa thuận.

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn anh Huỳnh Hồ Vĩnh T trình bày:

Anh T xác định có thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở gắn liền với đất thuộc thửa đất số 377, tờ bản đồ số 17, diện tích 72m², đất ở đô thị, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 2, thành phố Sa Đéc cho bà T với giá chuyển nhượng là 1.650.000.000 đồng theo Hợp đồng thỏa thuận ngày 07/02/2021.

Từ việc thỏa thuận, anh T thừa nhận đã nhận của bà T tổng cộng 140.000.000 đồng theo Hợp đồng thỏa thuận ngày 07/02/2021 và Biên nhận ngày 25/3/2021 như lời ông T trình bày.

Thời điểm ngày 15/3/2021, anh T có điện thoại đề nghị bà T ra Phòng công chứng ký Hợp đồng nhưng bà T bận việc gia đình; nửa tháng sau, bà T điện thoại thông báo cho anh T biết là không mua nhà, đất nữa và yêu cầu trả lại tiền cọc. Sau đó, anh T có đến gặp bà T đề thương lượng nhưng bà T ép buộc anh T phải viết biên nhận ngày 22/4/2021 hứa đến ngày 30/4/2021 sẽ thanh toán cho bà T số tiền 250.000.000 đồng.

Nay, anh T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Anh T đồng ý trả lại cho ông T số tiền đã nhận của bà T tổng cộng 140.000.000 đồng; vì anh T không có vi phạm hợp đồng nên không đồng ý thanh toán lại số tiền gấp 02 lần tiền cọc.

Tại phiên tòa, anh T không đồng ý tiếp tục ký kết Hợp đồng chuyển nhượng với ông T với giá 1.650.000.000 đồng mà hai bên đã thỏa thuận.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T về việc yêu cầu anh Huỳnh Hồ Vĩnh T trả lại tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Buộc anh Huỳnh Hồ Vĩnh T trả cho ông Nguyễn Phước T số tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tổng cộng là 250.000.000 đ (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ thi hành án, án phí dân sự sơ thẩm và thời hạn kháng cáo.

Ngày 18/8/2022 anh Huỳnh Hồ Vĩnh T kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Phước T có luật sư Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Hồ Vĩnh T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ việc đến khi nghị án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự xét xử phúc thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án

Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ và tại phiên tòa cho thấy:

Ngày 07/02/2021, giữa anh T và bà T (chết ngày 22/9/2021) lập Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở gắn liền với đất thuộc thửa đất số 377, tờ bản đồ số 17, diện tích 72m², đất ở đô thị, tọa lạc tại Khóm 2, Phường 2, thành phố Sa Đéc với giá chuyển nhượng là 1.650.000đ. Bà T đặt cọc số tiền 100.000.000đ trong ngày 07/02/2021. Hai bên thỏa thuận đến ngày 15/3/2021 sẽ ra Phòng công chứng để ký kết Hợp đồng chuyển nhượng, trong hợp đồng còn thể hiện nếu bên A (bên chuyển nhượng) vi phạm hợp đồng bồi thường gấp 02 lần số tiền mà bên B (bên nhận chuyển nhượng) đã đặt cọc, nếu bên B vi phạm hợp đồng sẽ mất tiền cọc. Đến ngày 15/3/2021, anh T nhận thêm của bà T số tiền 20.000.000đ và ngày 25/3/2021, anh T nhận thêm của bà T số tiền 20.000.000đ, anh T có làm biên nhận nhận của bà T tổng cộng 140.000.000đ.

Đến ngày 22/4/2021, anh T làm biên nhận với nội dung đến hết ngày 30/4/2021 sẽ thanh toán cho bà T số tiền 250.000.000đ.

Việc anh T chỉ đồng ý trả cho ông T (người thừa kế của bà T) số tiền 140.000.000đ là không có căn cứ, bởi vì: giữa anh T và bà T đã ký Hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhà ở gắn liền với

đất đối với thửa đất số 377, tờ bản đồ số 17, diện tích 72m², với giá chuyển nhượng là 1.650.000đồng. Anh T thừa nhận có nhận tiền đặt cọc của bà T 03 lần tổng cộng là 140.000.000 đồng và thỏa thuận nếu bên chuyển nhượng vi phạm hợp đồng bồi thường gấp 02 lần số tiền đã nhận đặt cọc. Anh T trình bày trong thời gian đặt cọc anh có liên hệ với bà T làm thủ tục chuyển nhượng nhà đất nhưng không có chứng cứ chứng minh, trong khi phía nguyên đơn vẫn tiếp tục đưa thêm tiền cho anh T 02 lần thể hiện vào các ngày 15/3/2021 và ngày 25/3/2021 với số tiền là 40.000.000đ.

Mặt khác, vào ngày 22/4/2021 anh T lại làm biên nhận hứa đến hết ngày 30/4/2021 sẽ thanh toán cho bà T số tiền 250.000.000đ, nội dung này thể hiện việc anh T không đồng ý chuyển nhượng đất cho bà T mà đồng ý phạt cọc theo như thỏa thuận vào ngày 07/02/2021 phù hợp với trình bày của nguyên đơn về việc yêu cầu anh T phải trả tiền cọc và phạt cọc với số tiền 250.000.000đ, sau khi đã giảm cho anh T 30.000.000đ. Do đó, việc ông T yêu cầu anh T trả lại tiền đặt cọc và phạt cọc 250.000.000đ là có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy, Tòa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T về việc yêu cầu anh Huỳnh Hồ Vĩnh T trả lại tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tổng cộng 250.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích và căn cứ trên cho thấy, anh T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 33/2022/ST-DS ngày 04/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và lời phát biểu của kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Huỳnh Hồ Vĩnh T là bị đơn kháng cáo trong hạn luật định và hợp pháp. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng với Điều 273, 293 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Anh Huỳnh Hồ Vĩnh T kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2022/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp. Anh T không đồng ý trả cho ông T 250.000.000 đồng, anh T đồng ý trả lại cho ông T 140.000.000 đồng tiền cọc.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông T trình bày Hợp đồng hai bên thỏa thuận đến ngày 15/3/2021 sẽ ra Phòng công chứng ký Hợp đồng. Nhưng do giấy chứng nhân dân của bà T hết hạn nên không thể giao dịch với Ngân hàng rút tiền để thanh toán tiền chuyển nhượng cho anh T và ký kết Hợp đồng. Sau khi được cấp căn cước công dân, bà T có liên hệ với anh T để tiếp tục thực hiện việc ký kết Hợp đồng chuyển nhượng nhưng anh T không đồng ý và viết biên nhận ngày 22/4/2021 hứa đến hết ngày 30/4/2021 sẽ thanh toán lại cho bà T 140.000.000 đồng tiền cọc và chịu phạt cọc 140.000.000 đồng, tổng cộng là 280.000.000 đồng nên bà T mới bớt cho anh T số tiền 30.000.000 đồng, còn lại 250.000.000 đồng, anh T phải thanh toán cho bà T. Còn anh T cho rằng tại thời điểm ngày 15/3/2021, anh T có điện thoại đề nghị bà T ra Phòng công chứng ký Hợp đồng nhưng bà T bận việc gia đình; nửa tháng sau, bà T điện thoại thông báo cho anh T biết là không mua nhà, đất nữa và yêu cầu trả lại tiền cọc. Sau đó, anh T có đến gặp bà T để thương lượng nhưng bà T ép buộc anh T phải viết biên nhận ngày 22/4/2021 hứa sẽ thanh toán cho bà T tổng số tiền 250.000.000 đồng. Do anh T không vi phạm Hợp đồng nên không đồng ý chịu phạt cọc. Vì thế, anh T chỉ đồng ý trả lại ông T số tiền cọc đã nhận của bà T tổng cộng là 140.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại thời điểm ngày 15/3/2021, anh T có tiếp tục nhận của bà T số tiền 20.000.000 đồng; anh T đã viết nội dung này và ký tên xác nhận trong Hợp đồng thỏa thuận ngày 07/02/2021. Đến ngày 25/3/2021, bà T tiếp tục giao cho anh T nhận số tiền 20.000.000 đồng; anh T có viết biên nhận để tổng cộng số tiền đã nhận của bà T là 140.000.000 đồng. Đồng thời, theo biên nhận ngày 22/4/2021 thể hiện: Anh T hẹn đến hết ngày 30/4/2021 sẽ thanh toán cho bà T số tiền 250.000.000 đồng; anh T cũng thừa nhận biên nhận ngày 22/4/2021 do chính anh T viết và ký tên và có người làm chứng là ông Dương Văn Thắng. Điều này cho thấy bà T có thiện chí tiếp tục thực hiện Hợp đồng nên mới giao cho anh T nhận tiếp tục 02 lần tiền vào ngày 15/3/2021 và ngày 25/3/2021. Thực tế, tại thời điểm ngày 22/4/2021, hai bên đã thỏa thuận thống nhất số tiền mà anh T phải thanh toán lại cho bà T tổng cộng là 250.000.000 đồng. Điều này thể hiện, anh T cũng đồng ý không tiếp tục ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà

T và đồng ý chịu phạt cọc. Theo quy định tại khoản 2 Điều 328 của Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“2. ... nếu bên đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì tài sản đặt cọc thuộc về bên nhận đặt cọc; nếu bên nhận đặt cọc từ chối việc giao kết, thực hiện hợp đồng thì phải trả cho bên đặt cọc tài sản đặt cọc và một khoản tiền tương đương giá trị tài sản đặt cọc, trừ T hợp có thỏa thuận khác.” Đồng thời tại Điều 3 của Hợp đồng thỏa thuận ngày 07/02/2021 đã được các bên đương sự thừa nhận có thỏa thuận nội dung: “Nếu bên A (anh T) vi phạm Hợp đồng thì phải bồi thường (thanh toán lại) gấp 02 lần số tiền mà bên B (bà T) đã thanh toán cho bên A tiền đặt cọc. Ngược lại, nếu bên B vi phạm hợp đồng thì mất tiền đặt cọc”. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp với quy định pháp luật. Mặt khác tại cấp phúc thẩm anh T cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T.

[3] Ý kiến của Luật sư Nguyễn Văn T, là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Hồ Vĩnh T; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 04/8/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của anh T không được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Huỳnh Hồ Vĩnh T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 04/8/2022, của Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T về việc yêu cầu anh Huỳnh Hồ Vĩnh T trả lại tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Buộc anh Huỳnh Hồ Vĩnh T trả cho ông Nguyễn Phước T số tiền cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tổng cộng là 250.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Huỳnh Hồ Vĩnh T phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Phước T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.250.000 đồng theo biên lai số 0000794 ngày 10/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Huỳnh Hồ Vĩnh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000953 ngày 22 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

4. Trong T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

5. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố Sa Đéc;
- Chi Cục THADS thành phố Sa Đéc ;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Trang).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước